

THAM LUẬN:

Chủ đề: Phát triển du lịch gắn với di sản trong vùng Công viên địa chất trên địa bàn huyện Krông Nô

*TS. Phạm Thị Trâm
Viện Địa lý nhân văn*

Mở đầu

Huyện Krông Nô nằm ở phía đông của tỉnh Đắk Nông, phía đông giáp huyện Krông Ana và huyện Lắk thuộc tỉnh Đắk Lắk, phía tây giáp huyện Đắk Mil và huyện Đắk Song, phía nam giáp huyện Đắk G'long, phía bắc giáp huyện Cư Jút.

Trên địa bàn huyện có nhiều cảnh quan thiên nhiên, đặc biệt là hệ thống hang động núi lửa và thác nước có giá trị địa chất, địa mạo đặc sắc có giá trị khoa học, giáo dục cao cùng với các giá trị về đa dạng sinh học, khảo cổ, lịch sử, văn hoá đặc sắc. Đây là nguồn tài nguyên du lịch đặc sắc để phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đồng thời khẳng định được mục tiêu của danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông mà UNESCO đã ghi danh cho vùng đất đặc biệt này.

Nội dung tham luận sẽ tập trung vào thảo luận về mục tiêu và định hướng giải pháp phát triển du lịch bền vững tại huyện Krông Nô trên cơ sở các kết quả đánh giá tiềm năng và thực trạng du lịch với các phương pháp hiện đại và khách quan, kết hợp với các kết quả khảo sát, đánh giá thực tế. Các đánh giá về phát triển du lịch huyện Krông Nô gắn với di sản trong vùng Công viên địa chất sẽ được thực hiện theo Tuyến 1 đã được xây dựng bởi Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông.

1. Một số quan điểm về du lịch bền vững

Du lịch là một trong những ngành dịch vụ lớn nhất trên toàn cầu, có thị trường phát triển nhanh tập trung vào những môi trường có giá trị văn hóa, lịch sử, tâm linh, cảnh quan thiên nhiên đẹp và đặc biệt xu hướng hiện nay tập trung vào môi trường tự nhiên còn hoang sơ. Khái niệm du lịch bền vững (Sustainable Tourism) xuất hiện từ năm 1996, được nhiều quốc gia và hiệp hội du lịch lớn trên thế giới ủng hộ. “Du lịch bền vững là việc di chuyển và tham quan đến các vùng tự nhiên một cách có trách nhiệm với môi trường để tận hưởng và đánh giá cao tự nhiên, các đặc điểm văn hóa kèm theo (có thể là cả trong quá khứ và hiện tại) theo cách khuyến cáo về bảo tồn, có tác động thấp từ du khách và mang lại những lợi ích cho sự tham gia chủ động về kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương” (World Conservation Union, 1996).

Hay nói cách khác, du lịch bền vững là du lịch mà giảm thiểu các chi phí và nâng cao tối đa các lợi ích của du lịch cho môi trường tự nhiên và cộng đồng địa phương và có thể được thực hiện lâu dài nhưng không ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi mà nó phụ thuộc vào. Du lịch trở thành một ngành kinh tế tổng hợp, sự phát triển của du lịch phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên và môi trường, sự phát triển của du lịch và sự phát triển bền vững chung của xã hội có sự tác động biện chứng lẫn nhau.

Vì trên thực tế phát triển du lịch bền vững và phát triển bền vững đều có liên quan đến môi trường về tự nhiên, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội. Do đó, phát triển du lịch bền vững là tất yếu.

Du lịch bền vững được lập kế hoạch một cách cẩn thận từ lúc bắt đầu để mang lại những lợi ích cho cộng đồng địa phương, tôn trọng văn hóa, bảo tồn nguồn lợi tự nhiên và giáo dục du khách và cả cộng đồng địa phương.

Du lịch bền vững có 3 hợp phần chính, đôi khi được ví như “ba chân” (International Ecotourism Society, 2004):

Thứ nhất: Thân thiện môi trường, du lịch bền vững có tác động thấp đến nguồn lợi tự nhiên. Nó giảm thiểu các tác động đến môi trường (động thực vật, các sinh cảnh sống, nguồn lợi sống, sử dụng năng lượng và ô nhiễm ...) và cố gắng có lợi cho môi trường.

Thứ hai: Gắn gũi về xã hội và văn hoá, không gây hại đến các cấu trúc xã hội hoặc văn hoá của cộng đồng nơi mà chúng được thực hiện. Thay vào đó thì du lịch bền vững lại tôn trọng văn hoá và truyền thống địa phương. Khuyến khích các bên liên quan (các cá nhân, cộng đồng, nhà điều hành tour, và quản lý chính quyền) trong tất cả các giai đoạn của việc lập kế hoạch, phát triển và giám sát, giáo dục các bên liên quan về vai trò của họ.

Thứ ba: Có giá trị kinh tế. Du lịch bền vững đóng góp về mặt kinh tế cho cộng đồng và tạo ra những thu nhập công bằng và ổn định cho cộng đồng địa phương cũng như càng nhiều bên liên quan khác càng tốt. Nó không bắt đầu một cách đơn giản để sau đó sụp đổ nhanh do các hoạt động kinh doanh nghèo nàn.

Một dạng thức, một cách tiếp cận du lịch mới theo định hướng phát triển du lịch bền vững hiện nay đó là du lịch địa học. Đây là một loại hình du lịch cung cấp cho khách du lịch, khách tham quan những thông tin, những kiến thức về cơ chế hình thành, lịch sử phát triển của các thắng cảnh, các cảnh quan kì thú, những sản phẩm của tự nhiên được hình thành bởi các quá trình nội sinh và ngoại sinh. Du lịch địa học được định nghĩa là du lịch duy trì hoặc nâng cao đặc điểm địa lý đặc biệt của một địa điểm về môi trường, di sản, thẩm mỹ, văn hóa và phúc lợi của cư dân tại đó. Hay nói cách khác, du lịch địa học là du lịch dựa trên tri thức, một sự tích hợp liên ngành của ngành du lịch với việc bảo tồn và giải thích các thuộc tính tự nhiên phi sinh học, bên cạnh việc xem xét các vấn đề văn hóa liên quan, trong các khu vực địa chất cho công chúng. Nó được xuất hiện trên khắp thế giới thông qua sự phát triển của các công viên địa chất cũng như độc lập ở nhiều khu vực tự nhiên và đô thị nơi trọng tâm của du lịch là môi trường địa chất.

Mục đích của loại hình du lịch này nhằm giúp cho khách du lịch cảm thấy hứng thú khi tham quan các thắng cảnh, mặt khác giúp họ thấy được mức độ kì vĩ về qui mô và thời gian mà thiên nhiên đã tạo dựng nên những thắng cảnh đó. Qua đó góp phần nâng cao ý thức của khách du lịch phải chung sức bảo vệ giữ gìn những danh lam thắng cảnh, môi trường thiên nhiên và ý thức bảo tồn các di sản đặc sắc của tự nhiên.

2. Bộ tiêu chí đánh giá di sản địa học trong phát triển du lịch bền vững

Để đánh giá giá trị của các di sản địa học, cần phải xây dựng một bộ tiêu chí đánh giá riêng cho từng di sản. Tuy nhiên tiêu chí chung nhất cho các di sản trở thành di sản thế giới là phải có giá trị nổi bật toàn cầu. Năm 2004, UNESCO đã hoàn thiện 10 tiêu chí để đánh giá các di sản là có giá trị nổi bật toàn cầu với 6 tiêu chí dành cho di sản văn hóa (từ tiêu chí (i) đến tiêu chí (vi)) và 4 tiêu chí dành cho di sản thiên nhiên từ tiêu chí (vii) đến tiêu chí (x)) (trước năm 2004 thứ tự của các tiêu chí thuộc hai nhóm, di sản được tách riêng: Di sản văn hóa có 6 tiêu chí từ (i) đến (vi), Di sản thiên nhiên có 4 tiêu chí từ (i) đến (iv)). Nhưng từ năm 2005 đến nay, UNESCO đưa ra quyết định công nhận các Di sản thế giới hỗn hợp (Ví dụ, Di sản Tràng An được công nhận di sản hỗn hợp đạt được tiêu chí (v) (văn hóa) và tiêu chí (vii) và (viii) (thiên nhiên)). Các di sản địa học có thể được đưa vào danh sách Di sản thế giới trực tiếp thông qua tiêu chí (viii) là những ví dụ nổi bật đại diện cho những giai đoạn quan trọng của lịch sử Trái đất, bao gồm cả việc ghi lại sự sống, các quá trình địa chất nổi bật còn đang tiếp diễn trong sự phát triển của địa hình, hay những đặc điểm địa mạo và địa lý tự nhiên quan trọng, hoặc được công nhận gián tiếp thông qua các tiêu chí khác như tiêu chí (vii) về cảnh quan hay tiêu chí (x) về đa dạng sinh học, hay cũng có thể là di sản văn hóa, xuất phát từ các giá trị về thẩm mỹ, sinh thái, văn hóa,... của di sản địa học.

Bảng 01: Các tiêu chí đánh giá tiềm năng du lịch tại các điểm di sản địa học có thể được hệ thống bao gồm những tiêu chí sau:

Giá trị	Tiêu chí
Khoa học	Tầm quan trọng cổ địa lý: Giá trị tái hiện lại sự tiến hóa địa chất, địa mạo của một lãnh thổ.
	Giá trị địa chất địa mạo bao gồm nguồn gốc phát sinh và lịch sử phát triển của các dạng địa hình, địa mạo tại mỗi điểm di sản.
	Tính đại diện: Tính hình mẫu có ý nghĩa giáo dục cho những người không có chuyên môn về địa mạo.
	Diện tích (%): Diện tích của di chỉ trên tổng diện tích các di chỉ cùng loại.
	Tính hiếm có/Tính độc đáo: Số lượng các di chỉ giống hệt nhau/tương tự của khu vực nghiên cứu.
	Tính toàn vẹn: Mức độ bảo tồn trước các tác động của tự nhiên và nhân sinh.
	Tính dễ bị tổn thương: Mức độ ảnh hưởng của di sản địa học khi có sự tác động của con người. Sự tồn tại của các yếu tố đa dạng địa học có thể bị phá hủy bởi khách tham quan gây hao mòn, suy giảm của các điểm di sản.
	Tầm quan trọng của giá trị sinh thái; Phụ thuộc vào tầm quan trọng, tính đa dạng và động lực biến đổi tự nhiên của các loài sinh vật tại di chỉ.

	Tri thức khoa học (mức độ, cấp độ xuất hiện trong các ấn phẩm khoa học: không, cấp quốc gia, cấp quốc tế/chuyên khảo về di tích).
Giáo dục và đào tạo	Tính giáo dục: Đại diện cho một hình thức hoặc quy trình cụ thể, trích dẫn trong sách giáo khoa.
Thẩm mỹ/Phong cảnh	Số lượng điểm quan sát: Mỗi điểm thể hiện một góc nhìn đặc trưng, khoảng cách không quá 1km, có thể đi bộ tới.
	Tầm nhìn từ điểm quan sát ra xung quanh.
	Khoảng cách trung bình tới các điểm quan sát.
	Diện tích của di chỉ so với các di chỉ cùng loại khác.
	Độ cao: Độ cao so với các di chỉ cùng loại.
	Mức độ tương phản về màu sắc/Số lượng màu sắc.
	Sự có mặt của các hình thái độc đáo.
Văn hóa – lịch sử	Mức độ liên quan tới văn hóa – lịch sử, giá trị tâm linh, tôn giáo.
	Hình tượng đại diện: Tính bằng số lượng các tác phẩm hội họa, ảnh,...về di chỉ.
	Mức độ liên quan đến lịch sử, khảo cổ.
	Mức độ liên quan tới tôn giáo, tín ngưỡng.
	Diễn ra các sự kiện văn hóa, lịch sử.
Kinh tế/tiềm năng cho phát triển du lịch	Khả năng tiếp cận và khả năng nhìn thấy di tích.
	Rủi ro tự nhiên.
	Số lượng khách du lịch địa phương mỗi năm.
	Khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật và các dịch vụ du lịch tại các tuyến/điểm di sản.
	Mức độ bảo vệ: Mức độ vào vệ càng cao, khả năng khai thác cho kinh tế càng hạn chế.
	Tính hấp dẫn và giá trị công nhận của các điểm di sản thể hiện qua số lượng và chất lượng điểm du lịch, việc có hay không có các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia, quốc tế.
	Khả năng kết nối với các di tích/khu vực giải trí khác.

3. Bộ chỉ thị phù hợp cho khu vực công viên địa chất Đắk Nông

Cho đến nay, vẫn chưa có một bộ tiêu chuẩn thống nhất mang tính quốc tế về du lịch bền vững tại các công viên địa chất toàn cầu, vì tại mỗi công viên địa chất toàn cầu có những nét độc đáo và có giá trị nổi bật của địa phương. Trên cơ sở phân tích các giá trị cụ thể cần đạt của mỗi điểm di sản tại công viên địa chất, tác giả đề

xuất một số tiêu chí và bộ chỉ thị có thể áp dụng để đánh giá tiềm năng du lịch và bảo tồn của các điểm di sản địa chất tại công viên địa chất Đắk Nông:

Bảng 2: Bộ chỉ thị đánh giá giá trị di sản địa học cho khu vực công viên địa chất Đắk Nông

Giá trị	Tiêu chí	Chỉ thị
Khoa học	Giá trị cổ địa lý	Giá trị tái hiện lại sự tiến hóa địa chất, địa mạo của một lãnh thổ.
	Giá trị địa chất, địa mạo	Nguồn gốc phát sinh và lịch sử phát triển của các dạng địa hình, địa mạo tại mỗi điểm di sản.
	Tính đại diện	Tính hình mẫu có ý nghĩa giáo dục cho những người không có chuyên môn về địa mạo.
	Tính toàn vẹn	Mức độ bảo tồn trước các tác động của tự nhiên và tác động của con người.
	Tính độc đáo	Số lượng các di chỉ giống hệt nhau/tương tự của khu vực nghiên cứu. Số lượng các di chỉ độc đáo chỉ có ở khu vực nghiên cứu.
	Tính dễ bị tổn thương	Mức độ ảnh hưởng của di sản địa học khi có sự tác động của con người. Sự tồn tại của các yếu tố đa dạng địa học có thể bị phá hủy bởi khách tham quan gây hao mòn, suy giảm của các điểm di sản.
	Giá trị sinh thái	Tính đa dạng của hệ sinh thái, tính đa dạng và động lực biến đổi tự nhiên của các loài sinh vật tại di chỉ.
Giáo dục và đào tạo	Ấn phẩm khoa học, tư liệu đưa vào SGK	Số lượng các ấn phẩm tư liệu, số lượng các bài báo, chuyên khảo,...
	Các đoàn học sinh, sinh viên đến học tập	Số lượng các đoàn đến, mục đích,...
Thẩm mỹ	Sức hấp dẫn và giá trị công nhận của điểm du lịch	Độ hấp dẫn của tuyến/điểm du lịch thể hiện qua số lượng và chất lượng điểm du lịch, việc có hay không có các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia, quốc tế. Sức hấp dẫn về các giá trị phong cảnh, ý nghĩa trong nghiên cứu, giáo dục,...
	Tầm nhìn từ điểm quan sát ra xung quanh	Khả năng quan sát tại mỗi điểm, số lượng ảnh chụp tại điểm di sản.
	Sự có mặt của các hình thái độc đáo	Số lượng các hình thái độc đáo tại mỗi điểm.
	Giá trị văn hóa, lịch sử	Các giá trị văn hóa bản địa, số điểm di tích lịch sử, di sản văn hóa.

Văn hóa – lịch sử	Giá trị tâm linh, tôn giáo		Số các điểm du lịch tâm linh, tôn giáo.
	Giá trị khảo cổ		Số lượng các điểm di chỉ khảo cổ và số lượng các cổ vật.
Du lịch	Kinh tế	Mức độ khai thác của điểm di sản	Số lượng tour/chuyến đi hoặc số lượng khách du lịch mỗi năm.
		Mức độ thuận lợi của cơ sở hạ tầng	Hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc, khả năng tiếp cận và mức độ an toàn của khách du lịch.
		Mức độ hoàn thiện của cơ sở vật chất kỹ thuật	Mức độ tiện nghi, hoàn thiện, của hệ thống cơ sở lưu trú, nhà hàng,...
		Vị trí và khả năng tiếp cận của điểm di sản	Điều kiện tiếp cận địa điểm xét về độ khó và thời gian đi bộ của một người bình thường và mức độ an toàn liên quan đến việc điều kiện tham quan, có tính đến rủi ro tối thiểu cho du khách.
		Khả năng liên kết các điểm di sản/điểm du lịch khác	Các dịch vụ phục vụ khách du lịch là một trong những yếu tố góp phần vận hành và tăng độ hấp dẫn, hiệu quả khai thác của tuyến du lịch, cũng như sức hút đối với các tour và khách du lịch.
		Tính đa dạng của sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch	Khảo sát khách du lịch về số lượng các dịch vụ và sản phẩm du lịch.
		Mức độ hợp lý về giá cả các loại hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ du lịch	Sự hài lòng của khách du lịch về giá cả hàng hóa và dịch vụ du lịch.
		Mức độ hài lòng của du khách	Sự hài lòng của du khách sau khi trải nghiệm tại các điểm du lịch, tần số quay lại của du khách.
		Cơ cấu vốn đầu tư cho du lịch các điểm di sản	Cơ cấu vốn cần phân bổ hợp lý và đầy đủ cho các hạng mục đầu tư phát triển du lịch.
	Xã hội	Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương đối với	Sự hài lòng của cộng đồng địa phương khi khách du lịch đến tham quan. Số lượng các công trình phúc lợi từ hoạt động du lịch.

	hoạt động du lịch	
	Mức độ đóng góp cho xoá đói giảm nghèo và nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương	Thu nhập bình quân của cộng đồng địa phương từ các hoạt động du lịch.
	Sự xuất hiện tệ nạn xã hội tại địa phương khi có hoạt động du lịch	Các tệ nạn xã hội mới xuất hiện khi có hoạt động du lịch, mức độ diễn ra của các tệ nạn xã hội.
	Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên và phát triển du lịch	Số lượng các hình thức, kinh phí, các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường.
	Công tác đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích	Số liệu về nguồn vốn đầu tư, tu bổ, tôn tạo di tích.
	Công tác bảo tồn giá trị văn hóa bản địa	Các hoạt động bảo tồn giá trị văn hóa bản địa.
Môi trường	Mức độ kiểm soát môi trường	Số liệu khảo sát khách du lịch và cư dân địa phương về chất lượng môi trường: nước sạch, không khí, rác thải, tiếng ồn,... tại các khu, điểm du lịch.
	Quản lý chất thải	Tỷ lệ các điểm du lịch có xử lý thu gom rác thải.
	Giới hạn về sức chứa, cường độ hoạt động và áp lực lên môi trường tại các	Sử dụng số liệu để phân tích đánh giá không vượt quá sức chứa tối đa và không gây quá tải áp lực lên môi trường tại các khu, điểm du lịch.

		khu, điểm du lịch	
--	--	-------------------	--

3.1. Đánh giá giá trị văn hóa, tôn giáo tâm linh

Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông là khu vực có bề dày văn hóa, lịch sử, với những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể như: không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên được UNESCO ghi danh tại danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; di tích cấp quốc gia gắn với lịch sử và truyền thuyết văn hoá.

Bảng 3: Các giá trị văn hóa bản địa, số điểm di tích lịch sử, di sản văn hóa,...

Điểm du lịch	Loại di sản	Giá trị di tích lịch sử, di sản văn hóa, tâm linh	Giá trị
Làng nghề đan lát M'ông	Văn hóa phi vật thể	<ul style="list-style-type: none"> - M'ông là một trong ba dân tộc bản địa ở tỉnh Đắk Nông và được cho là cư dân sống lâu đời nhất tại vùng đất này. - Nghề đan lát của người M'ông được lưu giữ bằng trí nhớ, truyền từ đời này sang đời khác và do người nam trong gia đình đảm nhiệm để đan các vật dụng phục vụ lao động sản xuất, sinh hoạt cần thiết như: gùi, nia, nơm... chất liệu chủ yếu được làm từ cây tre, nứa và cây mây. Kỹ thuật đan chủ yếu là cài lóng mốt, đôi, ba hoặc cài nan hình lục giác cùng kết hợp lối kết nan, quán nan rất phức tạp, tinh vi và rất sáng tạo, tạo nên nhiều hình dạng hoa văn đơn giản như hình xương cá, quả trám, lượn sóng đan xen xung quanh thân và theo mảnh, chủ yếu là màu da lươn, màu đen. Tất cả các sản phẩm khi hoàn thiện đều được đặt trên dàn bếp lửa để hun khói để tạo thêm độ bền cho sản phẩm. 	Văn hóa
Căn cứ địa Nậm Nung	Văn hóa vật thể	<ul style="list-style-type: none"> - Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1959 đến 1975), Đảng ta lấy địa bàn Nậm Nung (mật danh B4- Liên tỉnh IV) làm căn cứ đặt trụ sở làm việc của các cơ quan “đầu não”, địa bàn hoạt động an toàn của các cơ quan ban ngành Huyện ủy, Tỉnh ủy, Liên tỉnh. + Căn cứ phía Bắc Nậm Nung hình thành từ năm 1959–1967, trải dài trên địa bàn xã Nậm Nung, huyện Krông Nô. + Căn cứ phía Nam Nậm Nung hình thành từ năm 1967–1975, thuộc địa phận khu bảo tồn thiên nhiên Nậm Nung và Lâm trường Đắk N'tao, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong. 	Văn hóa, lịch sử

Thác Gia Long	Địa chất	<ul style="list-style-type: none"> - Thác Gia Long còn gọi là thác Dray Sáp thượng. Thác Gia Long nằm ở thượng nguồn của sông Sêrêpôk đoạn chạy qua tỉnh Đắk Nông, là ngọn thác hùng vĩ nhất trong hệ thống 3 thác: Dray Sáp, Gia Long, Trinh Nữ. - Thác Gia Long có độ cao khoảng 30 mét và rộng khoảng 100m. Nước chảy rất nhanh và đổ xuống hồ lượng nước lớn tạo nên cuộn sóng lớn rất hùng vĩ. - Thác Dray Sáp Thượng còn gắn liền với sự kiện lịch sử: năm 1930 – 1933, thực dân Pháp đã huy động dân phu và tù chính trị tại Nhà đày Buôn Ma Thuột lao dịch hết sức cực nhọc, gian khổ dưới đòn roi tra tấn, cực hình của chúng để xây dựng một đoạn đường vòng cung đi qua thác cùng với chiếc cầu treo qua sông Ea Krông. Ngày nay, chúng ta vẫn thấy hai bên còn hai mẩu cầu mà thực dân Pháp đã cho xây dựng, đây là minh chứng lịch sử thuyết phục nhất về sự tàn ác của thực dân Pháp lúc bấy giờ, đã có không biết bao nhiêu dân phu và tù chính trị đã bỏ xác nơi rừng sâu, vực thẳm. Và đây, cũng chính là nơi thử thách, rèn luyện tin thần và ý chí đấu tranh cách mạng của những người Cộng sản yêu nước. 	Lịch sử, thắng cảnh
---------------	----------	---	---------------------

3.2. Đánh giá các giá trị khảo cổ

Ngoài các giá trị văn hóa tâm linh, di tích lịch sử, các phát hiện về di chỉ khảo cổ người tiền sử sinh sống trong khu vực hang động núi lửa của công viên địa chất đã thu hút sự chú ý của rất nhiều nhà nghiên cứu, du khách trong và ngoài nước. Kết quả nghiên cứu bước đầu cùng với việc thu thập các di vật khảo cổ có mật độ khá dày đặc, ghi nhận đây là dấu tích văn hóa của cư dân Hậu kỳ Đá mới và Sơ kỳ Kim khí, có niên đại từ 6.000 đến 3.000 năm cách ngày nay. Các di vật khảo cổ được phát hiện bao gồm đồ đá, đá nguyên liệu và các công cụ đá hình đĩa, rìu ngắn, công cụ mảnh tước, phiến tước, hòn ghè, hòn kê, hòn mài...

Về đồ gốm thì có rất nhiều loại vật dụng, với độ dày, mỏng khác nhau được làm từ đất sét pha cát. Hoa văn trên các mảnh gốm khá sắc nét và đa dạng như chấm gạch, gạch vãi, văn thừng... Ngoài ra còn có xương động vật, các mảnh xương ống của động vật và có cả xương người tiền sử.

Di tích khảo cổ cấp quốc gia¹ Hang C6-1, xã Đăk Sô, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông đã được BVHTTDL công nhận xếp hạng là một trong những tài nguyên du lịch đặc sắc của huyện.

- Hang C6.1 (người M'ông thường gọi là hang Mông ling Pian) nằm ở xã Đăk Sô, huyện Krông Nô, được đánh giá là di sản độc đáo ở Việt Nam và Đông Nam Á.

- Phát hiện dấu tích văn hóa của cư dân trung kỳ Đá mới cách đây từ 4-7 ngàn năm. Đặc biệt, tại Hang C6-1 đã tìm thấy những dấu tích người tiền sử trong các tầng văn hóa - đây là lần đầu tiên giới khảo cổ học Việt Nam và Đông Nam Á biết đến một loại hình di tích khảo cổ trong hang động núi lửa.

- Hang được đào thám sát năm 2017 và khai quật 2 lần năm 2018, 2019.

- Qua khai quật tại Hang C6-1 và C6, các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều hiện vật đồ đá với các công cụ lao động và đồ gốm, xương và vỏ nhuyễn thể. Các nhà khoa học cũng phát hiện vết tích của bếp lửa, 3 di tích mộ táng, dấu vết của 10 cá thể mà trong số đó có tới 5 cá thể là trẻ sơ sinh, 1 cá thể là thiếu niên và 4 cá thể là người trưởng thành. Đặc biệt và quan trọng nhất, các nhà khảo cổ đã phát hiện được một bộ xương và hộp sọ của bé gái khoảng 4 tuổi, được chôn theo tư thế ngồi bó gối.

Theo các nhà khoa học, các di sản khảo cổ hang động núi lửa Krông Nô - nơi còn bảo lưu dấu tích văn hóa, mộ táng và các hoạt động sống của các bộ lạc thời tiền sử - là di sản độc đáo ở Việt Nam và Đông Nam Á.

¹ Ngày 20/3/2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quyết định 701/QĐ-BVHTTDL về việc xếp hạng di tích Quốc gia đối với Di tích khảo cổ Hang C6-1, xã Đăk Sô, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông

3.3. Đánh giá các giá trị di sản địa học trên cơ sở bộ tiêu chí và chỉ thị đánh giá giá trị di sản địa học phục vụ phát triển du lịch bền vững tại Tuyến 1 – Trường ca của lửa và nước

Giá trị	Tiêu chí	Các điểm xác định													
		1.Trung tâm thông tin CVĐC	2.Trang trại hữu cơ Hưng Long	3.Làng nghề đan lát M'nhông	4. Nơi gặp gỡ Đỏ & Trắng	5.Căn cứ địa Nậm Nung	6.Khám phá tuyến đi bộ trong rừng	7.Dãy núi lửa Nậm Kar	8.Đầm sen	9.Thung lũng Mặt trời mọc	10. Ngôi nhà May Mắn	11. Trung tâm thông tin Krông Nô	12. Thác Dray Sáp	13. Hang động núi lửa	14. Thác Gia Long
Nhóm giá trị khoa học và giáo dục	Giá trị cổ địa lý	0	0	0	Hệ tầng Túc Trung (tuổi Pliocene - Pleistocene (N2 - Q1))	0	0	Hệ tầng Là Ngà (tuổi Jura giữa, Aalenian (174 - 170 triệu năm))	0	Hệ tầng Xuân Lộc (Pleistocen giữa)	Hệ tầng Túc Trung (tuổi Pliocene - Pleistocene (N2 - Q1))	0	basalt pleistocene muộn - Holocen	Hệ tầng Là Ngà (tuổi Jura giữa, Aalenian (174 - 170 triệu năm))	basalt pleistocene muộn - Holocen

Giá trị sinh thái															
Ấn phẩm khoa học, tư liệu đưa vào SGK	0	0	4	0	2	1	4	2	1	1	0	5	4	4	
Sức hấp dẫn và giá trị công nhận của điểm du lịch	2	0	2.3	0	3.3	2.5	4.6	4.2	4.4	4.6	0	4.3	3.5	4.19	
Tâm nhìn từ điểm quan sát ra xung quanh	0.3/25	0/0	0.07/0	0.07/0	0/20	0.07/0	0.07/91	0.07/295	0.3/114	0.07/96	0.07/0	0.07/2761	0.07/38	0.07/0	
Sự có mặt của các hình	0	0	0	0	3	2	3	2	2	0	0	2	2	2	

	thái độ đạo														
Giá trị văn hóa, lịch sử và khảo cổ học	Giá trị văn hóa, lịch sử	0	0	1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3
	Giá trị tâm linh, tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Giá trị khảo cổ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
Giá trị kinh tế và du lịch	Mức độ khai thác của điểm di sản	3	0	0	0	6	0	18	65	35	44	0	537	10	0
	Mức độ thuận lợi của cơ sở hạ tầng	Đường quốc lộ	Đường đất	Đường xã	Đường huyện	Đường huyện	Đường huyện	Đường huyện	Đường huyện	Đường huyện	ĐT684	ĐT684	ĐT684	ĐT684	ĐT684
	Mức độ hoàn thiện của cơ sở vật	4320	127	509	509	382	0	127	509	784	2619	2676	2288	1019	2156

chất kĩ thuật															
Vị trí và khả năng tiếp cận của điểm di sản	4p (GN)	18p (GN)	26p (GN)	27p (GN)	37p (GN)	56p (GN)	1h7p (GN)	1h14p (BMT)	1h2p (BMT)	35p (BMT)	35p (BMT)	44p (BMT)	48p (BMT)	37p (BMT)	
Khả năng liên kết các điểm di sản/điểm du lịch khác	1019	0	0	0	0	0	0	0	127	1019	1019	891	1019	1019	
Tính đa dạng của sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch	1	2	2	-	2	2	2	2	2	-	-	3	2	3	
Chất lượng	6	-	-	-	7	7	5	-	-	-	6	26	5	26	

	dịch vụ tại các điểm du lịch														
	Mức độ hài lòng của du khách	18	-	-	-	21	21	16	-	-	-	18	95	15	95
Các giá trị xã hội	Mức độ hài lòng của cộng đồng địa phương đối với hoạt động du lịch	5	4,2	0	0	3,3	0	4,6	4,2	4,4	4,6	0	4,3	3,5	4
Giá trị môi trường	Mức độ kiểm soát môi trường không khí	2	4	5	5	5	5	5	5	5	4	4	5	5	4
	Quản lý rác thải	827	0	2036	0	483	0	0	0	254	0	0	123	123	0

	sinh hoạt														
	Giới hạn về sức chứa, cường độ hoạt động và áp lực lên môi trường	5	5	4	4	8	8	4	5	5	4	4	27	4	27

3.4. Đánh giá sức hấp dẫn và giá trị công nhận của điểm du lịch

Sức hấp dẫn tại mỗi điểm du lịch được thể hiện qua số lượng và chất lượng điểm du lịch, việc có hay không có các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia, quốc tế. Sức hấp dẫn về các giá trị phong cảnh, ý nghĩa trong nghiên cứu, giáo dục,... được đánh giá thông qua sự phản hồi của người tham gia du lịch tại các điểm di sản trên ứng dụng google map và trên các trang mạng xã hội.

Bảng : Sức hấp dẫn và giá trị công nhận của các điểm di sản trên Tuyến 1 trong công viên địa chất Đắk Nông

Điểm du lịch	Tên trên google map	GT trung bình	Số bài viết	Số lượng ảnh	Phản hồi trên google map
Trung tâm thông tin CVĐC	Daknong Geopark Information Centre	5,0	3	25	
Trang trại hữu cơ Hưng Long		4,2	9		Không có dữ liệu
Làng nghề đan lát M' nông		0	0		Không có đánh giá
Nơi gặp gỡ Đỏ & Trắng					Không có đánh giá
Căn cứ địa Nậm Nung	Khu căn cứ kháng chiến B4	3,3	6	20	
Khám phá tuyến đi bộ trong rừng					Không có đánh giá
Dãy núi lửa Nậm Kar		4,6	18	91	- Địa điểm tuyệt đẹp. - Thiên nhiên kỳ vĩ, cảnh vật đẹp. - Chưa có đường đi xe lên, khó đi lại. - Không có nhiều rừng, chỉ có vị trí cao nhìn xuống ngắm cảnh, cũng ko đẹp lắm.
Đầm sen	Điểm check in Cánh Đồng Hoa - Đắk Nông	4,2	65	295	- Đầm sen là điểm nhấn, điểm thăm quan đặc trưng của xã Nậm N'đir. - Là địa điểm cà phê có view thu hút khách du lịch ,xung

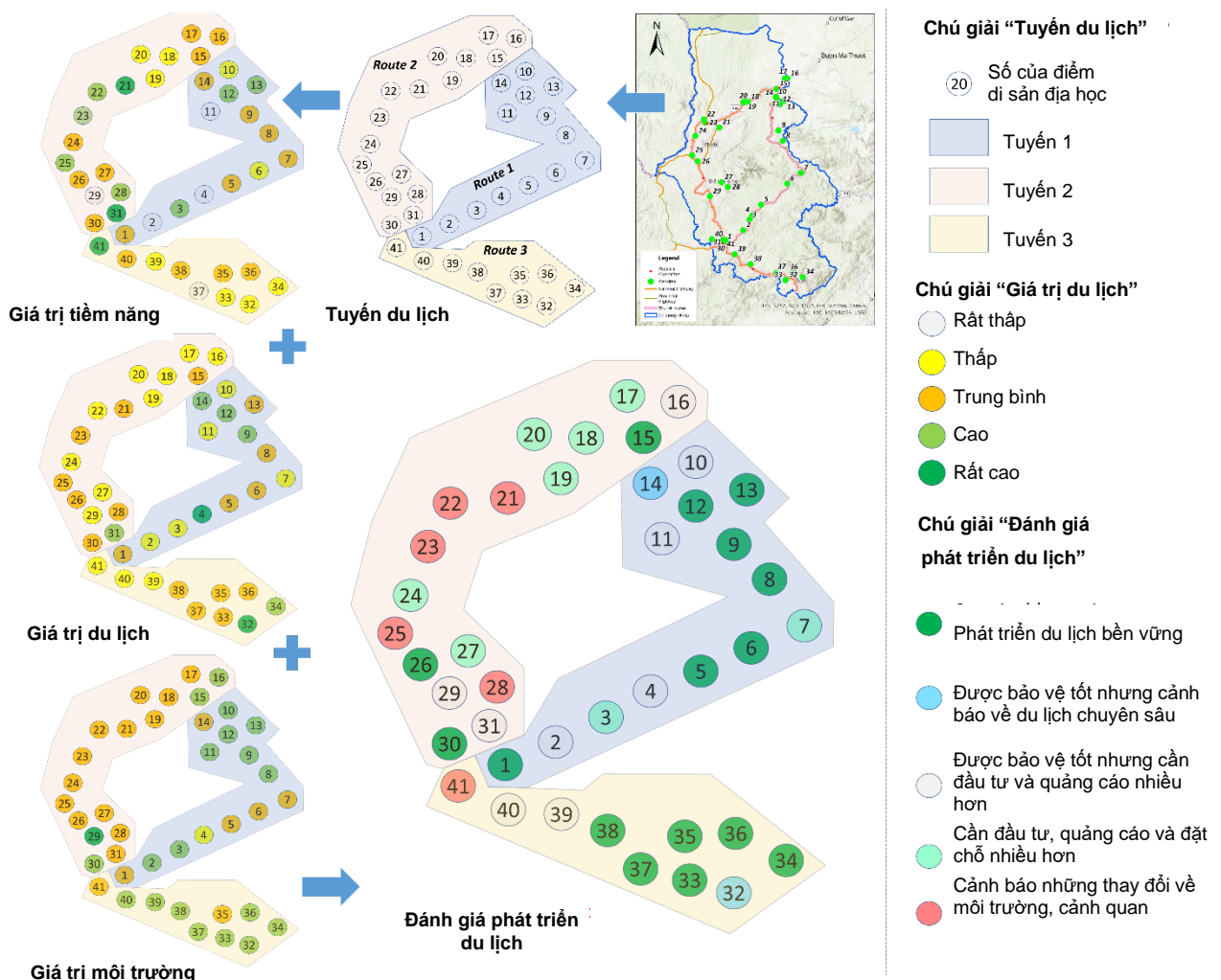
					quanh có đôi núi hồ sen cánh đồng lúa mát mẽ lý tưởng cho khách tham quan dùng chân hóng mát.
Thung lũng Mặt trời mọc	Điểm ngắm cánh đồng lúa ven núi lửa	4,4	35	114	- Có chòi rộng rãi, được người dân ý thức giữ vệ sinh tốt. - Là điểm quan sát đẹp, lý tưởng.
Ngôi nhà May Mắn	Nhà May Mắn tại Đắc Nông - Maison Chance	4,6	44	96	- Là nơi tốt cho người khuyết tật. - Môi trường thân thiện, đầy ý nghĩa; hoạt động đa dạng, dịch vụ chất lượng.
Trung tâm thông tin Krông Nô					Không có dữ liệu
Thác Dray Sáp	Tên khác: Khu Du lịch Sinh thái Văn hóa Cụm Thác Dray Sáp - Gia Long	4,3	537	2761	- Nhiều hoạt động giải trí tại khu du lịch. - Cảnh quan hùng vĩ.
Hang động núi lửa	Cửa hang động núi lửa C3	3,5	10	38	- Đường vào hang rất khó đi. - Đầu mùa mưa sẽ dễ có hiện tượng sạt lở, kết cấu đá ở 1 vài hang không ổn định.
Thác Gia Long	Khu du lịch thác Gia Long bị đóng cửa vĩnh viễn	4,0	1	0	Không có đánh giá

4. Hiện trạng bảo tồn và phát triển du lịch UGGp Đắc Nông

Áp dụng phương pháp tình huống BAU và mô hình BBN để đánh giá tổng hợp tiềm năng, hiện trạng bảo tồn và phát triển du lịch các tuyến du lịch của Công viên Địa chất toàn cầu Đắc Nông, dễ dàng nhận thấy tiềm năng phát triển du lịch ở tuyến thứ 2 cao hơn 2 tuyến còn lại. Tuy nhiên, chất lượng du lịch và môi trường trên tuyến đường này thấp hơn hai tuyến đường khác. Xem xét các vấn đề về môi trường, tỷ lệ các điểm di sản địa học trong UGGp Đắc Nông được phát triển du lịch bền vững chỉ ở mức 40%, hơn 50% còn lại phải được đầu tư vào bảo tồn và phát triển du lịch.

Thực hiện quy trình xác minh thông qua nghiên cứu thực địa để kiểm tra trạng thái hiện tại ở mỗi điểm di sản địa học. Ví dụ, một số cảnh quan thiên nhiên (địa điểm số 09, số 13, số 15 và số 35) có giá trị môi trường cao và lượng khách du lịch trung bình có thể được đánh giá là phát triển du lịch bền vững. Một số cảnh quan bị ảnh hưởng bởi con người (Địa chất số 21, số 22 và số 25) đang được xây dựng và bảo tồn, số lượng du khách đến tham quan có giới hạn. Vì vậy, chúng được đánh giá là cảnh báo về những thay đổi của môi trường và cảnh quan.

Hai thác lớn (Điểm di sản địa học số 14 và số 27) có tình trạng khác nhau. Khu địa chất số 14 (còn gọi là thác Gia Long) tuy được bảo tồn tốt nhưng dịch vụ du lịch lại xuống cấp trong 5 năm qua. Thác Gia Long nằm trong quần thể thác Dray Sáp nhưng cơ sở vật chất phục vụ tham quan, tham quan không đảm bảo, vệ sinh không sạch sẽ, phí tham quan cao. Ngược lại, điểm di sản địa học số 27 (gọi là thác Lưu Ly) là một thác nước đẹp, có tiềm năng cao nhưng hiện chưa được khai thác và đóng cửa. Khách du lịch không thể tự mình đến mà phải liên hệ để xem. Cơ sở vật chất trong khu vực thác vẫn còn nghèo nàn và đang xuống cấp. Vì vậy, nó đòi hỏi phải đầu tư và quảng cáo nhiều hơn trong tương lai. Một ví dụ khác, điểm di sản địa học số 07 và số 24 là hai hang động núi lửa lớn (được gọi là hang NamKar và NamGle) chưa được khai thác phục vụ du lịch. Chúng chỉ được giới thiệu là di sản cho những người quan tâm hoặc sử dụng cho mục đích tuyên truyền, đào tạo nâng cao hiểu biết về di sản Công viên địa chất. Vì vậy, họ cũng đòi hỏi phải đầu tư và quảng cáo nhiều hơn trong tương lai.



Hình: Đánh giá công tác bảo tồn và phát triển du lịch tại 41 di chỉ địa học và 3 tuyến du lịch vùng ĐK Nông UGGp

5. Các yếu tố ảnh hưởng và gợi ý giải pháp phát triển du lịch bền vững khu vực vùng lõi công viên địa chất

Để thực hiện được mục tiêu phát triển du lịch trong chiến lược bền vững, cần phải dựng các mô hình du lịch đảm bảo hài hòa các yếu tố: kinh tế, văn hóa – xã hội và môi trường. Đặc biệt, đối với các công viên địa chất toàn cầu, phát triển du lịch bền vững nhằm gắn phát triển du lịch với những giá trị cảnh quan môi trường và các giá trị địa phương, do cộng đồng dân cư địa phương quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi. Vì vậy mô hình phát triển du lịch tại công viên địa chất toàn cầu đã đem lại nhiều lợi ích, vừa phát huy các nét đẹp văn hóa, vừa đảm bảo đa dạng và bền vững sinh kế cho người dân địa phương. Điều này rất phù hợp với xu hướng những năm gần đây, khi chất lượng cuộc sống ngày càng tăng, nấc thang giá trị của con người đã thay đổi hướng đến giá trị tinh thần, văn hóa đã trở thành sức mạnh nội dung giúp phát triển kinh tế bền vững.

Với tiềm năng, những giá trị độc đáo và khác biệt kể công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông nói chung, huyện Krong Nô nói riêng, cho phép địa phương xác định lợi thế so sánh, nhằm đầu tư vào công tác nghiên cứu, quy hoạch điểm đến, để tạo ra các sản phẩm du lịch đặc thù, mới lạ tại hệ thống hang động núi lửa, các miệng núi lửa, cánh đồng dung nham...

Tuy nhiên, qua khảo sát, thực địa tác giả nhận thấy công tác bảo tồn và phát triển tại Đắk Nông chưa được chú ý. Việc khai thác tài nguyên tại các điểm di sản còn nhỏ lẻ, mang tính tự phát, thiếu tổ chức, thiếu sự quy hoạch tổng thể. Kết quả đánh giá 41 điểm di sản trong nghiên cứu này là những thông tin kịp thời, trước khi CVĐC toàn cầu Đắk Nông được đầu tư phát triển, giúp các quản lý có những định hướng hình thành những cảnh quan bền vững trong tương lai. Các điểm di sản địa học thuộc CVĐC là tài nguyên không tái tạo, cần được bảo tồn, khai thác phù hợp và sử dụng bền vững.

Để từng bước phát triển du lịch theo hướng bền vững cần quan tâm tới một số vấn đề sau:

1) Xây dựng quy hoạch vùng trong công viên địa chất, gồm: vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng đệm, vùng khai thác,... để định hướng thu hút đầu tư và đảm bảo công tác bảo vệ, bảo tồn các giá trị di sản theo quy định của UNESCO và Mạng lưới công viên địa chất toàn cầu. Đối với khu vực vùng lõi, nhiệm vụ bảo tồn phải được đặt lên hàng đầu. Muốn khai thác các giá trị di sản vùng lõi cần nghiên cứu và lựa chọn các hình thức hoạt động phù hợp, hạn chế đến mức thấp nhất tác động đến di sản vùng lõi. Việc lựa chọn các điểm di sản để đưa vào danh sách điểm đến cho du khách và đảm bảo các yếu tố về an toàn, giới hạn số lượng và phân bổ du khách tại các điểm đến thuộc vùng lõi cần được quan tâm, lập kế hoạch chi tiết. Đặc biệt, đối với khai thác vùng lõi phải có quy chế và phân công trách nhiệm giữa các bên liên quan một cách rõ ràng và phù hợp với tình hình thực tiễn của quá trình phát triển

theo thời gian và sự biến đổi về mặt môi trường tự nhiên, xã hội và công tác bảo tồn tại điểm đến.

2) Nâng cao nhận thức cộng đồng và tập huấn hướng dẫn viên.

Thực tế cho thấy, nhận thức của cộng đồng địa phương về công viên địa chất chưa được rõ ràng, kéo theo ý thức sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên chưa cao. Người dân chưa biết được thế nào là di sản địa học và cần phải bảo tồn những gì, đặc biệt là khi các di sản địa học vô tình bị xâm hại và phá hủy. Vì vậy, hoạt động tập huấn, tuyên truyền là một trong những nội dung quan trọng để đưa loại hình du lịch địa chất đến gần hơn với cộng đồng địa phương và thị trường khách du lịch tiềm năng. Hiện tại, các hoạt động giáo dục trong vùng công viên địa chất Đắk Nông chỉ mới tập trung vào các đối tượng là người dân và học sinh trung học phổ thông, phổ thông cơ sở. Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho học sinh các cấp học thấp có hiệu quả không cao do yêu cầu rất cần tính trực quan và nhiều giáo cụ thực hành, cùng những câu chuyện lý thú để giúp các em sớm có nhận thức và ý thức về vị trí chủ nhân các giá trị di sản của quê hương mình.

Đối với việc tập huấn hướng dẫn viên tại điểm, đây là một nội dung rất quan trọng để người dân và địa phương có thể tự vận hành các điểm đến trong vùng công viên địa chất. Đối tượng tập huấn này bao gồm: cán bộ văn hóa buôn, bon, chủ các hộ gia đình là đối tác điểm đến của công viên địa chất, các hướng dẫn viên (tự do hoặc nhân viên các đơn vị lữ hành)... Việc tập huấn này sẽ giúp bổ sung kiến thức và kỹ năng cần thiết để đội ngũ hướng dẫn viên đưa các giá trị di sản của địa phương đến gần hơn với du khách trong và ngoài nước.

3) Thu hút, mời gọi đầu tư, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ phát triển du lịch tại các khu vực có nhiều tiềm năng phát triển du lịch như Khu Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, rừng đặc dụng cảnh quan Đray Sáp và một số hang động, núi lửa. Ưu tiên quy hoạch và chuyển đổi mục đích sử dụng đất đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch gắn với các di sản và điểm phát triển du lịch cộng đồng trong huyện.

4) Phát triển các mặt hàng địa phương: Đây là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch địa chất, không những giới thiệu cho du khách các mặt hàng nông sản đa dạng, phong phú được tạo thành từ thổ nhưỡng đặc thù của địa phương mà còn giúp tăng thu cho người dân, để họ gắn bó hơn với các ngành nghề truyền thống. Cụ thể như xác định và khuyến khích trồng, chế biến một số dược liệu đặc thù như: Sâm cau, sâm dây, mật nhân, mỏ quạ, chuối hột rừng; trồng và chế biến các đặc sản nông nghiệp, như: cà phê, bơ, lá bép, đọt mây, măng le, măng lồ ô; nuôi heo rừng lai, nuôi và chế biến khô nai,... để quảng bá ẩm thực địa phương. Đa dạng hóa mẫu mã các mặt hàng lưu niệm làm từ thổ cẩm như khăn trải bàn, ví, túi đựng điện thoại,...; các móc khóa có hình Cúc đá, núi lửa...

5) Xây dựng các sản phẩm mới lạ, độc đáo tại điểm: ứng dụng công nghệ 4.0 để tạo ra các sản phẩm tại điểm như mô hình 3D về hang động núi lửa; thiết kế ứng dụng cho phép du khách quan sát các kỷ địa chất khác nhau tại các điểm đến thông qua việc mô phỏng không gian về môi trường (hữu sinh và vô sinh) tại điểm; tạo các tuyến đi bộ mang tính giáo dục có bản đồ hành trình cụ thể với các điểm địa chất “geosites” trên tuyến (nếu có) và các trạm đa dạng sinh học, nhằm cung cấp cho du

khách thông tin về hệ thống động thực vật của khu vực và những ứng dụng của chúng trong cuộc sống (như các loại cây thuốc, cây làm thực phẩm...); cài đặt các mã QR tại các bảng thông tin, tờ rơi để giúp khách tìm hiểu thông tin chi tiết về các điểm đến một cách thuận tiện nhất.

6) Xây dựng chiến lược marketing: Chú trọng tham gia các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, đặc biệt các hội chợ du lịch hàng năm được tổ chức tại thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... Đặt pano ở tuyến phố đi bộ tại Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh để quảng bá, thu hút các đại lý lữ hành và du khách tiềm năng.

Bên cạnh đó, du lịch địa chất là loại hình du lịch rất phù hợp với các khóa học hệ chuyên đề (thường có sự tham gia của học sinh và giảng viên của các trường đối tác quốc tế) của các trường đại học,... để sinh viên có cơ hội đi nghiên cứu và khảo sát thực tế. Do đó, việc kết nối và quảng bá Đăk Nông như một điểm đến của của loại hình di sản như địa chất, khảo cổ, văn hóa, đa dạng sinh học nhằm thu hút nhóm du khách tiềm năng này, cũng là một trong những chiến lược hiệu quả đối với vùng lõi Công viên.

7) Xây dựng mô hình quản lý điểm đến:

Mô hình quản lý điểm đến cần được xây dựng trên cơ sở phối hợp, kết hợp giữa các phòng, ban liên quan, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương. Trong mô hình quản lý điểm đến, cần xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan, đặc biệt là cần có sự phân cấp, phân quyền và cơ chế phối hợp một cách cụ thể cho từng hoạt động của ban quản lý. Trong mô hình quản lý điểm đến, cần phải có các ban chuyên môn, chịu trách nhiệm chính về nhiệm vụ của mình, đặc biệt là đối với công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực phụ trách. Đối với mô hình quản lý tại huyện thì vai trò của UBND xã, địa bàn có nhiều hang động núi lửa đóng vai trò vô cùng quan trọng. Tùy thuộc sự phân bố các di sản địa chất mà có các quy định cụ thể về trách nhiệm của các xã, doanh nghiệp du lịch,... trong quản lý khai thác tài nguyên du lịch trên địa bàn, trong đó, cần có quy định về khai thác và bảo tồn từng hang động núi lửa trên địa bàn huyện./.

Tài liệu tham khảo

1. La Thế Phúc (2018), *Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài cấp tỉnh “Nghiên cứu, điều tra đánh giá di sản địa chất, xây dựng công viên địa chất khu vực Krông Nô, tỉnh Đăk Nông”*.

2. La Thế Phúc (2021), *Báo cáo tổng hợp đề tài “Nghiên cứu giá trị di sản hang động, đề xuất xây dựng bảo tàng bảo tồn tại chỗ ở Tây Nguyên; lấy thí dụ hang động núi lửa Krông Nô, tỉnh Đăk Nông”*.

3. Nguyễn Khắc Sử, La Thế Phúc (2020), *Giá trị lịch sử văn hóa di tích hang động núi lửa Đăk Nông, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, Số 4/2020.*

4. Phạm Thị Trâm (2020), Khai thác giá trị di sản địa chất hệ thống hang động núi lửa Krông Nô, tỉnh Đắk Nông phục vụ phát triển du lịch, *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn*, số 1(32), tháng 3-2021.

5. UBND tỉnh Đắk Nông (2019), *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu Điều tra, khảo sát nghiên cứu bổ sung, đánh giá, xếp hạng các giá trị di sản, xác định phạm vi, quy mô để xây dựng hồ sơ trình UNESCO công nhận Công viên địa chất toàn cầu ở tỉnh Đắk Nông*.